

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỠC HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL&KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI

Học phần: Vi sinh - Ký sinh trùng 2(DHA0320052) Lớp: K79

Học kỳ: 2 Năm học: 2025 - 2026

Ngày công bố điểm thi:

29-06-2026

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	Lê Thị Quỳnh Anh	2401031	A1K79	712	7	Bảy điểm	7.0	Bảy tròn	
2	Lê Như Quỳnh	2401596	A1K79	196	7.5	Bảy phẩy Năm	7.5	Bảy phẩy năm	
3	Nguyễn Đức Bình An	2401004	A2K79	759	6.3	Sáu phẩy Ba	6.3	Sáu phẩy ba	
4	Trần Minh An	2401008	A3K79	763	5	Năm điểm	5.5	Năm phẩy năm	Cộng nhậm điểm
5	Phạm Quang Anh	2401063	A3K79	744	5.5	Năm phẩy Năm	5.5	Năm phẩy năm	
6	Nguyễn Thị Hoài	2401253	A3K79	550	4.5	Bốn phẩy Năm	4.5	Bốn phẩy năm	
7	Nguyễn Quốc Huy	2401298	A3K79	441	5	Năm điểm	5.0	Năm tròn	
8	Trần Đăng Quang	2401583	A3K79	185	5.3	Năm phẩy Ba	5.3	Năm phẩy ba	
9	Nguyễn Đỗ Phương Linh	2401371	A4K79	427	7.4	Bảy phẩy Bốn	7.4	Bảy phẩy tư	
10	Nguyễn Bình Nhi	2401537	A4K79	221	4.3	Bốn phẩy Ba	4.3	Bốn phẩy ba	
11	Trần Mai Trang	2401706	A4K79	84	4.6	Bốn phẩy Sáu	4.6	Bốn phẩy sáu	

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
12	Nguyễn Duy Trí Trung	2401716	A4K79	94	4	Bốn điểm	4.0	Bốn điểm	
13	Bùi Lê Phương Uyên	2401730	A4K79	107	4.9	Bốn phẩy Chín	4.9	Bốn phẩy chín	
14	Ngô Chí Vĩ	2401741	A4K79	27	8.6	Tám phẩy Sáu	8.6	Tám phẩy sáu	
15	Nguyễn Hải Yến	2401757	A4K79	42	4.4	Bốn phẩy Bốn	4.4	Bốn phẩy tư	

GIÁO VỤ KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Trần Tâm Hòa

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phùng Thanh Hoàng

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL&KT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kiều Thị Hồng